TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2026/QĐST-HNGĐ V/v "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"	*An Giang, ngày 06 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2026 giữa:

* Nguyên đơn: Bà , sinh năm 1993, CCCD số 091193012829; địa chỉ: .

* Bị đơn: Ông , sinh năm 1988, CCCD số 091088014054 ; địa chỉ: .

Căn cứ Điều 212 và 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 28/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữ bà và ông .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông , bà xác định có được 02 người con chung là , sinh ngày 03/11/2019, giới tính: nữ và , sinh ngày 05/08/2021, giới tính nữ, hiện các con đang sống chung với ông , bà . Nay ly hôn bà , ông thoả thuận khi ly hôn bà trực tiếp nuôi con là , không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con. Ông trực tiếp nuôi bà không phải cấp dưỡng cho con. Do bà và ông không yêu cầu cấp dưỡng cho con (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

Ông , bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). bà chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 303637 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà được nhận lại số tiền thừa là 150.000 đồng..

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã Vĩnh Phong (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mỹ Vinh